

**NGÂN HÀNG TMCP  
KIÊN LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /NHKL

Rạch Giá, ngày 20 tháng 01 năm 2020

V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế  
hợp nhất quý 4 năm 2019 và cả năm 2019

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Kiên Long, mã chứng khoán KLB, xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 4 năm 2019 và cả năm 2019 như sau:

**I. Biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 4 năm 2019 và cả năm 2019:**

**1. Biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 4 năm 2019:**

**1.1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 4 năm 2019 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2018:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 4 năm 2019 giảm 178.898 triệu đồng, tương đương giảm 303,96% so với cùng kỳ năm 2018 chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Tổng thu nhập giảm 180.114 triệu đồng, tương đương giảm 50,68% chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 132.893 triệu đồng (giảm 53,46%); lãi thuần từ hoạt động khác giảm 75.216 triệu đồng (giảm 91,88%) do năm 2018 công ty con phát sinh thu nhập từ việc chuyển nhượng nhà kho cho thuê.

- Tổng chi phí tăng 43.375 triệu đồng, tương đương tăng 15,39%. Trong đó: Chi phí hoạt động tăng 23.304 triệu đồng (tăng 8,66%) là do chi phí của 17 đơn vị thành lập mới; chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 20.071 triệu đồng (tăng 157,57%) do trong tháng 12 Kienlongbank tăng trích lập dự phòng để tất toán trước hạn toàn bộ trái phiếu VAMC.

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2018	Quý 4/2019	Tăng/giảm (+/-) quý 4/2019 so với cùng kỳ	
				Số dư	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Tổng thu nhập</b>	<b>355.369</b>	<b>175.255</b>	<b>(180.114)</b>	<b>(50,68)</b>
1	Thu nhập lãi thuần	248.578	115.685	(132.893)	(53,46)
2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	14.348	25.363	11.015	76,77
3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(235)	7.627	7.862	(3.344,61)
4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	10.811	19.929	9.118	84,34
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	81.867	6.651	(75.216)	(91,88)
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>(281.764)</b>	<b>(325.139)</b>	<b>(43.375)</b>	<b>15,39</b>
1	Chi phí hoạt động	(269.026)	(292.330)	(23.304)	8,66
2	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(12.738)	(32.809)	(20.071)	157,57



STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2018	Quý 4/2019	Tăng/giảm (+/-) quý 4/2019 so với cùng kỳ	
				Số dư	Tỷ lệ (%)
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	73.605	(149.884)	(223.489)	(303,63)
IV	Chi phí thuế TNDN	(14.749)	29.842	44.591	(302,33)
V	Lợi nhuận sau thuế	58.856	(120.042)	(178.898)	(303,96)

**1.2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank chuyển từ lãi ở quý 3 năm 2019 sang lỗ ở quý 4 năm 2019:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank chuyển từ lãi 68.919 triệu đồng ở quý 3 năm 2019 sang lỗ 120.042 triệu đồng ở quý 4 năm 2019 là do tổng thu nhập giảm 197.014 triệu đồng (giảm 52,92%), chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 191.180 triệu đồng (giảm 62,30%).

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2019	Quý 4/2019	Tăng/giảm (+/-) quý 4/2019 so với quý 3/2019	
				Số dư	Tỷ lệ (%)
I	Tổng thu nhập	372.269	175.255	(197.014)	(52,92)
1	Thu nhập lãi thuần	306.865	115.685	(191.180)	(62,30)
2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	19.590	25.363	5.773	29,47
3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.611	7.627	3.016	65,40
4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	35.187	19.929	(15.258)	(43,36)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	6.016	6.651	635	10,55
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-
II	Tổng chi phí	(284.947)	(325.139)	(40.192)	14,11
1	Chi phí hoạt động	(266.948)	(292.330)	(25.382)	9,51
2	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(17.999)	(32.809)	(14.810)	82,29
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	87.322	(149.884)	(237.207)	(271,64)
IV	Chi phí thuế TNDN	(18.403)	29.842	48.245	(262,16)
V	Lợi nhuận sau thuế	68.919	(120.042)	(188.962)	(274,18)

**2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank năm 2019 giảm trên 10% so với năm 2018:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank năm 2019 giảm 164.215 triệu đồng, tương đương giảm 70,82% so với năm 2018 chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Tổng thu nhập giảm 54.445 triệu đồng, tương đương giảm 4,33%. Trong đó chủ yếu do:

+ Thu nhập lãi thuần tăng 32.999 triệu đồng, tương đương tăng 3,38%.

+ Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư giảm 54.852 triệu đồng, tương đương giảm 46,97% là do trong năm 2018 Kienlongbank phát sinh thu nhập từ việc bán chứng khoán đầu tư.



+ Lãi thuần từ hoạt động khác giảm 69.083 triệu đồng, tương đương giảm 71,82% do trong năm 2018 công ty con phát sinh thu nhập từ việc chuyển nhượng nhà kho cho thuê.

- Tổng chi phí tăng 149.717 triệu đồng, tương đương tăng 15,50%. Trong đó chủ yếu do:

+ Chi phí hoạt động tăng 112.074 triệu đồng, tương đương tăng 12,07% là do chi phí của 17 đơn vị thành lập mới.

+ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 37.643 triệu đồng, tương đương tăng 100% do trong tháng 12 Kienlongbank tăng trích lập dự phòng để tất toán trước hạn toàn bộ trái phiếu VAMC.

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến tháng 12/2018	Lũy kế đến tháng 12/2019	Tăng/giảm (+/-) tháng 12/2019 so với cùng kỳ	
				Số dư	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Tổng thu nhập</b>	<b>1.256.161</b>	<b>1.201.716</b>	<b>(54.445)</b>	<b>(4,33)</b>
1	Thu nhập lãi thuần	974.871	1.007.870	32.999	3,38
2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	55.959	75.334	19.375	34,62
3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.626	28.631	17.005	146,28
4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	116.790	61.938	(54.852)	(46,97)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	96.192	27.109	(69.083)	(71,82)
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	724	835	111	15,38
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>(966.080)</b>	<b>(1.115.796)</b>	<b>(149.717)</b>	<b>15,50</b>
1	Chi phí hoạt động	(928.436)	(1.040.509)	(112.074)	12,07
2	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(37.644)	(75.287)	(37.643)	100,00
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>290.082</b>	<b>85.921</b>	<b>(204.160)</b>	<b>(70,38)</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(58.193)</b>	<b>(18.247)</b>	<b>39.946</b>	<b>(68,64)</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>231.889</b>	<b>67.674</b>	<b>(164.215)</b>	<b>(70,82)</b>

## II. Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank quý 4 năm 2019 và cả năm 2019:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank năm 2019 giảm 164.215 triệu đồng với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu từ giảm thu nhập lãi thuần trong tháng 12 năm 2019 do Kienlongbank hạch toán giảm các khoản lãi phải thu đã ghi nhận trong các năm trước đối với các khoản cho vay của một nhóm khách hàng có tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác theo Phương án xử lý nợ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Ảnh hưởng này chỉ mang tính chất tạm thời, sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm, căn cứ nguồn tiền thu được, Kienlongbank sẽ ghi nhận lại vào thu nhập trên Báo cáo tài chính trong thời gian tới.

Hiện tại, Kienlongbank đã nhận được đầy đủ hợp đồng ủy quyền có công chứng từ các khách hàng vay và chủ sở hữu tài sản về việc đồng ý cho Kienlongbank thực hiện chào bán tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác để thu hồi nợ.

Kienlongbank sẽ tiến hành chào bán cổ phiếu nêu trên trong tháng 1 năm 2020 và dự kiến hoàn tất trong năm 2020. Theo đánh giá của Kienlongbank, sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, lợi nhuận trước thuế năm 2020 dự kiến đạt khoảng 750 tỷ đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Ban TGD (để chỉ đạo);
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Trần Tuấn Anh*